

A. KIẾN THỨC

1. Nêu dụng cụ đo, đơn vị đo: độ dài, thể tích, khối lượng, lực.
2. Viết công thức tính khối lượng riêng, trọng lượng riêng, từ đó suy ra các công thức tính khối lượng, trọng lượng, thể tích. Công thức liên hệ giữa trọng lượng và khối lượng. Giải thích ý nghĩa các đại lượng có trong công thức.
3. Vẽ sơ đồ thể hiện quá trình nóng chảy – đông đặc, bay hơi – ngưng tụ.

B. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP – BÀI TẬP MINH HỌA

Dạng 1. Đổi đơn vị đo

***Đổi đơn vị đo độ dài**

Bài 1.1. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$$1\text{km} = \dots\dots\dots\text{hm}$$

$$1\text{hm} = \dots\dots\dots\text{dm}$$

$$1\text{km} = \dots\dots\dots\text{m}$$

$$204\text{m} = \dots\dots\dots\text{dm}$$

$$4000\text{mm} = \dots\dots\dots\text{m}$$

$$1800\text{cm} = \dots\dots\dots\text{m}$$

$$1\text{mm} = \dots\dots\dots\text{cm}$$

$$1\text{dm} = \dots\dots\dots\text{m}$$

$$1\text{mm} = \dots\dots\dots\text{m}$$

$$36\text{dm} = \dots\dots\dots\text{m}$$

$$742\text{km} = \dots\dots\dots\text{hm}$$

$$950\text{cm} = \dots\dots\dots\text{dm}$$

Bài 1.2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$$5\text{km } 27\text{m} = \dots\dots\dots\text{m}$$

$$246\text{dm} = \dots\dots\dots\text{m} \dots\dots\dots\text{dm}$$

$$7304 \text{ m} = \dots\dots\dots\text{km} \dots\dots\dots\text{m}$$

$$8\text{m } 14\text{cm} = \dots\dots\dots\text{cm}$$

$$3127\text{cm} = \dots\dots\dots\text{m} \dots\dots\dots\text{cm}$$

$$36 \text{ hm} = \dots\dots\dots\text{m}$$

***Đổi đơn vị đo khối lượng**

Bài 1.3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$$47 \text{ tấn} = \dots\dots\dots\text{kg}$$

$$1 \text{ hg} = \dots\dots\dots\text{tấn}$$

$$5\text{hg } 68\text{g} = \dots\dots\dots\text{g}$$

$$5500\text{g} = \dots\dots\dots\text{kg}$$

$$3\text{kg } 25\text{g} = \dots\dots\dots\text{g}$$

$$8760\text{kg} = \dots\dots\dots\text{tạ} \dots\dots\dots\text{kg}$$

$$1/5 \text{ tấn} = \dots\dots\dots\text{kg}$$

$$7\text{kg } 5\text{g} = \dots\dots\dots\text{g}$$

$$2070\text{kg} = \dots\dots\dots\text{tấn} \dots\dots\dots\text{kg}$$

$$640 \text{ tạ} = \dots\dots\dots\text{kg}$$

$$9 \text{ tạ } 3\text{kg} = \dots\dots\dots\text{kg}$$

$$7080\text{g} = \dots\dots\dots\text{kg} \dots\dots\dots\text{g}$$

Bài 1.4. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$$\text{a) } 18 \text{ yến} = \dots\dots\dots\text{kg}$$

$$\text{b) } 430 \text{ kg} = \dots\dots\dots\text{yến}$$

$$\text{c) } 2\text{kg } 326\text{g} = \dots\dots\dots\text{g}$$

$$\text{d) } 4008\text{g} = \dots\dots\dots\text{kg} \dots\dots\dots\text{g}$$

$$200 \text{ tạ} = \dots\dots\dots\text{kg}$$

$$2500\text{kg} = \dots\dots\dots\text{tạ}$$

$$6\text{kg } 3\text{g} = \dots\dots\dots\text{g}$$

$$9050 \text{ kg} = \dots\dots\dots\text{tấn} \dots\dots\dots\text{kg}$$

$$35 \text{ tấn} = \dots\dots\dots\text{kg}$$

$$16 \text{ 000kg} = \dots\dots\dots\text{tấn}$$

Dạng 2: Tìm khối lượng, trọng lượng, thể tích của một vật, khối lượng riêng, trọng lượng riêng của một chất

Bài 2.1. Hãy cho biết trọng lượng tương ứng của các vật sau:

a) Một túi kẹo có khối lượng 150 g.

b) Một hộp sữa có khối lượng 700 g.

c) Một túi đường có khối lượng 5 kg.

Bài 2.2. Một vật có khối lượng là 19.000 gam thì vật này có trọng lượng tương ứng là bao nhiêu Newton.

Bài 2.3. Một vật có trọng lượng là 45.000 N thì vật này có khối lượng là bao nhiêu Tấn?

Bài 2.4. Tính khối lượng của một khối đá có thể tích $0,6 \text{ m}^3$ biết khối lượng riêng của đá là: 2600 kg/m^3 .

Bài 2.5. Một chai nước ngọt có ghi 400g. Biết dung tích của chai nước là 300 cm^3 . Hãy tính khối lượng riêng của nước ngọt trong chai theo đơn vị kg/m^3 ?

Bài 2.6. Thả một hòn bi sắt vào một bình có thể tích 900 cm^3 đang chứa $0,6 \text{ dm}^3$ thì thấy nước dâng lên đến vạch 800 cm^3 . Biết khối lượng riêng của sắt là 7800 kg/m^3 . Tính khối lượng của hòn bi sắt?

Dạng 3. Giải thích hiện tượng thực tế

Bài 3.1. Nam muốn ăn thức ăn nóng và định bỏ thịt hộp đóng hộp mới mua vào xoong nước để đun sôi lên. Mẹ vội vàng ngăn lại và nói rằng làm như thế nguy hiểm lắm.

Em hãy giải thích cho Nam vì sao không được làm như thế và phải làm như thế nào mới được?

Bài 3.2. Tại sao đinh vít bằng sắt có ốc bằng đồng bị kẹt có thể mở được dễ dàng khi hơi nóng, còn đinh vít bằng đồng có ốc bằng sắt lại không thể làm như thế?

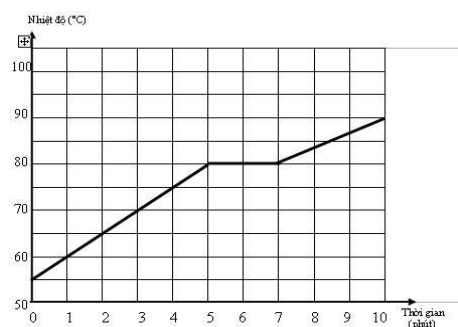
Bài 3.3. Trong hơi thở của người bao giờ cũng có hơi nước. Tại sao ta chỉ có thể nhìn thấy hơi thở của người vào những ngày trời rất lạnh?

Bài 3.4. Tại sao vào những ngày nắng nóng không nên bơm lốp xe quá căng

Bài 3.5. Tại sao các loài cây trên sa mạc thường có lá nhỏ, có lông giày hoặc có gai?

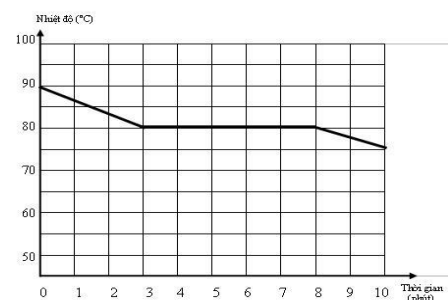
Dạng 4. Đọc đường biểu diễn

Bài 4.1. Dựa vào đồ thị vẽ đường biểu diễn sự thay đổi nhiệt độ theo thời gian khi đun nóng một chất A trả lời các câu hỏi sau :



- 1) Nhiệt độ nóng chảy của chất A là.....
Chất A là
- 2) Thời gian nóng chảy của chất A là
Ở 70°C chất A tồn tại ở thể.....

Bài 4.2. Dựa vào đồ thị vẽ đường biểu diễn sự thay đổi nhiệt độ theo thời gian khi thôi không đun nóng một chất B trả lời các câu hỏi sau :



- 1) Nhiệt độ đông đặc của chất B là.....
Chất B là
- 2) Thời gian đông đặc của chất B là
Ở 75°C chất B tồn tại ở thể

.....Hết.....

Đồng Tiến, ngày 19 tháng 05 năm 2021

GV SOẠN NỘI DUNG

Phạm Thị Thu Phương